

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2020/HS-ST**.

Ngày: 26/5/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Biên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà: Ông Đặng Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2020/TLST-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Xuân Y**, sinh 1978; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số nhà A, đường G, tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân S, sinh năm 1944 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1944 (đã chết); vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1989; con: có hai con, sinh năm 2006 và 2011; tiền án: Tại Bản án số: 109/2012/HS-ST ngày 01/11/2012, Tòa án nhân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số: 217/2015/HSPT ngày 28/9/2015, Tòa án nhân tỉnh Bắc Giang, xử phạt 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2019; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số: 103/HSST ngày 8/5/2003, Tòa án nhân thị xã B, tỉnh Bắc Giang xử phạt tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Quyết định số: 11/QĐ-XPHC ngày 05/6/2008, Công an phường Ngô Quyền, thành phố B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại Quyết định số: 2409/QĐ-UBND ngày 12/12/2008, Chủ tịch UBND thành phố B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh, thời hạn 12 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2019, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1986; nơi đăng ký HKTT: Xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; nơi ở: Tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008 và 2014; tiền án: không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Năm 2014 bị Công an huyện K, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2019, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đồng, xã Hương Gián, huyện Y Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số nhà 35, ngõ 165, đường G, tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 25/12/2019, Trần Xuân Y có đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98B3- XXX đến nhà Nguyễn Văn L. Đến nơi, Y có nói với L “hai anh em đi xoay tiền mua đồ về chơi” (ý là đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy cùng sử dụng), L hiểu và đồng ý đi cùng Y. Sau đó, Y chở L bằng xe mô tô của mình đi về hướng phường D, thành phố B để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 12 giờ 22 phút, khi đến khu vực đường T, phường D, thành phố B thì cả hai cùng nhìn 01 xe mô tô dựng trước của Công ty TNHH Thành Công HPT, có để túi xách trên giá để hàng (xác định của anh Nguyễn Văn T). L nói với Y “chiếc túi xách kia” và bảo Y dừng xe để trộm cắp chiếc túi trên. Y hiểu ý, quay xe rồi dừng xe lại cách chiếc xe có túi vài mét. L xuống xe đi bộ đến vị trí xe mô tô, nhấc chiếc túi xách ra khỏi giá để hàng rồi quay lại, lên xe Y chở đi. Cả hai cùng đi về nhà của L. Tại nhà L, Y và L mở túi kiểm tra thấy trong chiếc túi có nhiều thiết bị mạng có logo của FPT cùng các linh kiện đi kèm, do không biết bán ở đâu nên Y đã mang toàn bộ tài sản trên về nhà để cất giấu.

Ngày 25/12/2019, anh Nguyễn Văn T có đơn trình báo Công an thành phố B về nội dung và tài sản bị trộm cắp và xác định số tài sản này thuộc sở hữu của mình. Công ty Thành Công HPT đã cung cấp cho Cơ quan điều tra dữ liệu hình ảnh camera an ninh trong đó có đoạn hình ảnh Y và L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Đến 13 giờ 30 ngày 27/12/2019, khi L đang đi bộ tại khu dân cư số 3, phường T, thành phố B thì bị Tổ công tác Công an phường T mời về làm việc. Quá trình làm việc L khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên. Công an phường D tiến hành làm việc với Y thì Y cũng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao

nộp: 03 bộ BOX FPT TV 4K Modem No FLP1H188 màu đen, mỗi bộ bao gồm: (01 BOX FPT TV 4K, 01 điều khiển từ xa BOX, 01 cục nguồn BOX, 01 dây HDMI loại 1,5 m; 01 dây lan loại 1m; có logo FPT ở mặt trên Box) chưa qua sử dụng; 03 bộ Model Internet loại G97RG3, có logo FPT ở mặt trên của Model; mỗi bộ bao gồm (01 Model Internet và 01 cục nguồn), chưa qua sử dụng; 01 Model Internet Hub AC1000F, màu trắng, có logo FPT ở mặt trên Model; mỗi bộ bao gồm (01 Model và 01 cục nguồn) chưa qua sử dụng; 01 điều khiển từ xa Box FPT TV 4k, chưa qua sử dụng; 03 dây HDMI loại 1,5 m, màu đen chưa qua sử dụng; 01 túi vải màu xanh, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 98B3-XXX. Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn L và Trần Xuân Y.

Tại kết luận định giá tài sản số 185/KL-HĐĐG ngày 02/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận:

03 bộ BOX FPT TV 4K, Modem No FLP1H188 màu đen, mỗi bộ bao gồm: (01 BOX FPT TV 4K, 01 điều khiển từ xa BOX, 01 cục nguồn BOX, 01 dây HDMI loại 1,5 m; 01 dây lan loại 1m; có logo FPT ở mặt trên Box) chưa qua sử dụng, có trị giá 1.000.000 đồng/1 bộ x 3 bộ = 3.000.000 đồng.

03 bộ Model Internet loại G97RG3, có logo FPT ở mặt trên của Model; mỗi bộ bao gồm (01 Model Internet và 01 cục nguồn), chưa qua sử dụng, có trị giá 900.000 đồng/1 bộ x 3 bộ = 2.700.000 đồng.

01 Model Internet Hub AC1000F, màu trắng, có logo FPT ở mặt trên Model; mỗi bộ bao gồm (01 Model và 01 cục nguồn) chưa qua sử dụng, có trị giá 1.100.000 đồng.

01 điều khiển từ xa Box FPT TV 4k, chưa qua sử dụng có trị giá 100.000 đồng.

03 dây HDMI loại 1,5 met, màu đen chưa qua sử dụng, có trị giá 50.000 đồng/1 dây x 3 dây = 150.000 đồng.

01 túi vải màu xanh, đã qua sử dụng, có trị giá 50.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 09/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Trần Xuân Y về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

- Bị cáo Trần Xuân Y: Buổi trưa ngày 25/12/2019, bị cáo đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98B3- XXX đến nhà Nguyễn Văn L để rủ bị cáo L đi trộm cắp. Bị cáo chở bị cáo L bằng xe mô tô của mình đi về hướng phường D, thành phố B để tìm tài sản trộm cắp. Đến khu vực đường Thanh Niên, phường D, thành phố B thì nhìn 01 xe mô tô dựng trước của Công ty TNHH Thành Công HPT, có để túi xách trên giá để hàng. Bị cáo dừng xe lại, bị cáo L xuống xe đi bộ đến vị trí xe mô tô, nhấc chiếc túi xách ra khỏi giá để hàng rồi quay lại. Cả hai cùng đi về nhà của bị cáo L. Tại đây, các bị cáo mở túi kiểm tra thấy trong chiếc túi có nhiều thiết bị mạng có logo của FPT cùng các linh kiện đi kèm, do không biết bán ở đâu nên bị cáo L đã mang toàn bộ tài sản trên về nhà bị cáo L cất

giấu. Nay, bị cáo thấy là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn L: Buổi trưa ngày 25/12/2019, bị cáo Y đi xe mô tô đến nhà để rủ bị cáo đi trộm cắp. Các bị cáo đi bằng xe mô tô về hướng phường D, thành phố B để tìm tài sản trộm cắp. Đến khu vực đường T, phường D, thành phố B thì nhìn 01 xe mô tô dừng trước cửa Công ty TNHH Thành Công HPT, có để túi xách trên giá để hàng. Các bị cáo dừng xe lại, bị cáo xuống xe đi bộ đến vị trí xe mô tô, nhấc chiếc túi xách ra khỏi giá để hàng rồi quay lại. Cả hai cùng đi về nhà của bị cáo. Tại đây, các bị cáo mở túi kiểm tra thấy trong chiếc túi có nhiều thiết bị mạng có logo của FPT cùng các linh kiện đi kèm, do không biết bán ở đâu nên bị cáo đã mang toàn bộ tài sản trên về nhà để cất giấu. Nay, bị cáo thấy là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Bị hại là anh Nguyễn Văn T có lời khai xác định: Buổi trưa ngày 25/12/2019, anh đi sửa đường dây Internet tại khu vực tổ dân phố Phú Mỹ, phường D. Anh để túi sách trên xe mô tô, sau khi quay ra thì phát hiện bị mất chiếc túi sách. Trong túi có: 03 bộ Model Internet loại G97RG3, có logo FPT ở mặt trên của Model; mỗi bộ bao gồm (01 Model Internet và 01 cục nguồn); 01 Model Internet Hub AC1000F, màu trắng, có logo FPT ở mặt trên Model; mỗi bộ bao gồm (01 Model và 01 cục nguồn); 01 điều khiển từ xa Box FPT TV 4k; 03 dây HDMI loại 1,5 met. Nay, anh đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị L xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98B3- XXX là tài sản của chị, chị để cho bị cáo Y là chồng chị sử dụng, nhưng bị cáo Y dùng để đi trộm cắp tài sản, chị không biết, nay chị đã được nhận lại chiếc xe này và không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, nội dung hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguY Cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. TuY bố: Các bị cáo Trần Xuân Y và Nguyễn Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản” .

2. Về áp dụng điều luật và mức hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân Y từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/12/2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/12/2019).

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự.

Phân tranh luận:

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo thấy là sai trái, là vi phạm pháp luật, đề nghị được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh:

Sau khi xem xét lời khai của các bị cáo, bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà, cũng như tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Khoảng 12 giờ 22 phút ngày 25/12/2019, tại trước cửa công ty Công ty TNHH Thành Công HPT, địa chỉ: đường T, phường D, thành phố B, Trần Xuân Y và Nguyễn Văn L có hành vi trộm cắp 01 chiếc túi xách bằng vải bên trong có các thiết bị điện tử của anh Nguyễn Văn T. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 7.100.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác.

Các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Trần Xuân Y và Nguyễn Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Xuân Y đã có hai tiền án, nay lại phạm tội. Đây là tình tiết định tăng nặng định khung hình phạt thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, quy định “*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm*

g) Tái phạm nguy hiểm”

Bị cáo Nguyễn Văn L không có tình tiết định tăng nặng định khung hình phạt, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, quy định: “*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

Do đó, Cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 09/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang truy tố đối với các bị cáo Trần Xuân Y và Nguyễn Văn L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, mà nhất thời nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo Y có vai

trò cao hơn bị cáo L, vì bị cáo Y là người rủ rê, khởi sự hành vi chiếm đoạt. Do vậy, bị cáo Y phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo L.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ, mức hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết như sau:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Trần Xuân Y: Bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có thân nhân là bố mẹ để được Nhà nước tặng thưởng huân chương và huy hiệu 50 năm tuổi đảng. Đây là tình tiết giảm nhẹ để áp dụng cho bị cáo theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo theo Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn L: Tại cơ quan Điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ để áp dụng cho bị cáo theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo theo Điều 38 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Qua tài liệu xác minh và lý lịch của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 25/02/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ số tài sản cho anh Nguyễn Văn T. Đến nay, anh T không yêu cầu bồi thường dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3-H7-XXX là tài sản riêng đăng ký chính chủ mang tên chị Hoàng Thị L (vợ của bị cáo Y). Chị L không biết việc Trần Xuân Y mượn chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý, trả lại cho chị L. Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ.

[7]. Tạm giam các bị cáo Trần Xuân Y và Nguyễn Văn L 45 ngày, kể từ ngày thụ án để đảm bảo thi hành án theo Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự.

[9]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

TuY bổ: Các bị cáo Trần Xuân Y và Nguyễn Văn L phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Xuân Y **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/12/2019).

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L **08** (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/12/2019).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc:

Bị cáo Trần Xuân Y phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tp B;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tp B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thu Hương – Vũ Ngọc Hân

Nguyễn Trần Kiên